

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 07-07-2020

*V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản
và nghĩa vụ thanh toán tiền biếu”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh và bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc *“Tranh chấp đòi lại tài sản và nghĩa vụ thanh toán tiền biếu”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 05 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2020/QĐ ST-DS ngày 22/05/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST – DS ngày 17/06/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Tô Thị P;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Bị đơn:** Bà Huỳnh Thị B;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Phổ V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Huỳnh Văn U,

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- bà Lê Thị Thu T

- Bà Lê Thị Thu T1

- Ông Lê Hoài G

- Ông Lê Hoài Đ

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Lê Thị Thu C

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Tô Thị P trình bày:*

Vào tháng 1/2013, bà có tham gia chơi một dây biêu do bà Huỳnh Thị B làm chủ biêu (hụi, họ, phường), dây biêu gồm có 16 người tham gia, trong dây biêu này bà tham gia một chân biêu, hàng tháng đóng tiền biêu là 2.000.000 đồng ; bà đóng tiền biêu hàng tháng đầy đủ, bà là người hốt biêu cuối cùng của dây biêu, khi bà đến hốt biêu thì bà B nói không có tiền, nên viết giấy nợ bà số tiền 32.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình chơi biêu bà B có vay tiền của bà hai lần. Lần thứ nhất vào tháng 5/2013, số tiền vay 30.000.000 đồng, mục đích vay bà B nói về để buôn bán làm ăn; lần thứ hai vào tháng 5/2014, số tiền vay là 30.000.000 đồng, mục đích vay bà B nói về đáo nợ ngân hàng rồi vay lại tiền trả cho bà, nhưng bà B không trả mà bỏ đi khỏi địa phương. Đến năm 2016, bà cùng một số người khác gửi đơn đến Công an tỉnh Quảng Ngãi tố cáo bà B vay mượn tiền không trả; sau đó Công an tỉnh Quảng Ngãi mời bà B về làm việc, bà B thừa nhận có nợ bà số tiền tham gia chơi biêu và tiền vay là 92.000.000 đồng, nhưng bà cho lại bà B tiền lãi của tiền biêu 2.000.000 đồng, số tiền còn lại bà B viết giấy mượn của bà 90.000.000 đồng và hứa hàng tháng trả cho bà là 2.000.000 đồng, giấy viết vào ngày 02/03/2016, nhưng bà B chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả lại cho bà và ông Huỳnh Văn U số tiền tham gia chơi biêu và tiền vay là 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn : Bà Huỳnh Thị B không có lời trình bày.*

** Tại biên bản làm việc ngày 9/04/2020, biên bản ghi lời khai ngày 23/04/2020, và quá trình tố tụng tại Tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U trình bày: Ông là chồng của bà Tô Thị P, tại các lời khai trước đây ông trình bày số tiền 90.000.000 đồng bà B nợ là tiền vay, nhưng qua làm việc tại Tòa án và tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thể hiện khoản tiền bà B nợ là tiền biêu và tiền vay. Do vậy, việc bà P tham gia chơi biêu và cho bà B vay tiền ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà Tô Thị P, ông không có ý kiến gì thêm.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu T, bà Lê Thị Thu T1, ông Lê Hoài G, ông Lê Hoài Đ, bà Lê Thị Thu C không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự; bà Lê Thị Thu T, bà Lê Thị Thu T1, ông Lê Hoài G, ông Lê Hoài Đ, bà Lê Thị Thu C chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng Dân sự;

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 166, 228, Điều 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 16, 24, 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg; các Điều 27, 30, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P, buộc bà Huỳnh Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị P và ông Huỳnh Văn U số tiền là 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T, bà Lê Thị Thu T, ông Lê Hoài G, ông Lê Hoài Đ, bà Lê Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/11/2019 bà Tô Thị P yêu cầu bà Huỳnh Thị B trả lại số tiền 90.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 02/03/2016. Do đó Tòa án xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản, nhưng quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ thấy rằng số tiền bà B nợ bà P, ông U có một khoảng tiền được phát sinh từ giao dịch tiền biếu. Do vậy, Hội đồng xét xử bổ sung thêm quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp đòi lại tài sản và nghĩa vụ thanh toán tiền biếu”.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Tô Thị P Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào tháng 1/2013, bà Tô Thị P có tham gia chơi một dây biêu do bà Huỳnh Thị B làm chủ biêu, trong dây biêu này bà P tham gia một chân biêu hàng tháng đóng tiền biêu là

2.000.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian chơi biêu bà B có vay tiền của bà P hai lần với số tiền 60.000.000 đồng. Việc bà P tham gia chơi biêu và cho bà B vay tiền được bà B thừa nhận tại biên bản ghi lời khai bà Huỳnh Thị B ngày 11/12/2015 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, có căn cứ xác định năm 2013 và 2014 giữa bà P với bà B có xác lập hợp đồng vay tài sản và tham gia chơi biêu với nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ thì *“Trong trường hợp chủ hộ đã thu các phần hộ của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh hộ thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh hộ, chủ hộ phải giao các phần hộ đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có”* và theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015) thì *“ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Do không trả được tiền nợ vay và nợ biêu, nên ngày 02/03/2016, bà B viết giấy mượn bà P số tiền 90.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà P là 2.000.000 đồng. Nhưng từ khi viết giấy nợ đến nay bà B không thực hiện theo thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ, nên bà P khởi kiện yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả lại số tiền 90.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, số tiền bà B nợ bà P trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B và ông Lê M (chồng bà B) đang tồn tại, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định tại các điều 24, 25 và 26 của luật này”*; nhưng ông Lê M đã chết vào năm 2016. Mặt khác, bà P không yêu cầu ông Lê M và các con của bà B, ông M có nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị P, ông Huỳnh Văn U số tiền 90.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về tiền lãi bà Tô Thị P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị B phải chịu là 4.500.000 đồng. Bà Tô Thị Ph là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

[5] Đề nghị của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, 479 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 166, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015); khoản 1 Điều 29 Nghị định số

144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 (Điều 23 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019) của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P. Buộc bà Huỳnh Thị B phải có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị P và ông Huỳnh Văn U số tiền là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng. Bà Tô Thị P là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn